

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sĩ
- Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Võ Thành Q, sinh ngày 04/11/2001; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; tiền án: Ngày 20/5/2021, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2022, bị cáo Q chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm tổng cộng: 500.000 đồng); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 09 tháng tù, về tội: “Cướp giật tài sản; Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2020, khi xét xử bị cáo Q chưa đủ 18 tuổi); tạm giữ: Ngày 03/5/2022; tạm giam: Ngày 06/5/2022.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Trần Thanh S, sinh năm 1987, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1959, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thành C, sinh năm 1998, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị P, sinh năm 1976, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 01/5/2022, Võ Thành Q cùng T (bạn Q) đến nhà Thượng Phú H ở gần chợ xã P để lấy lại con gà trống. Đến nhà H, Q lấy con gà đưa cho T và kêu T chạy xe về trước, còn Q ở lại nhà H chơi. Đến 13 giờ cùng ngày, Q đi bộ hướng ra xã A để đi đường tắt về nhà, trên đường đi, Q quan sát 02 bên đường để tìm tài trộm. Khi đến nhà Nguyễn Văn T ở ấp L, xã P, Q nhìn thấy con gà trống đang úp bới dưới sàn nhà và không có người trông giữ, Q đi vào trong sàn nhà bắt gà thì thấy 02 xe mô tô có gắn sẵn chìa khóa trên xe, Q không bắt gà mà lấy xe mô tô biển số 66P1 – 0815 đề máy chạy hướng lên thành phố H chơi. Đến 24 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô về đến gần quán Karaoke “H” thuộc ấp A, xã A gặp Công an xã A đi tuần tra, Q sợ phát hiện nên chạy vào đường hẻm đậu xe trước cửa nhà Nguyễn Văn H rồi đi về nhà. Đến 07 giờ ngày 02/5/2022, Q nhờ Nguyễn Thành C (bạn Q) điều khiển xe mô tô chở đến nhà H để tìm lại chiếc xe, nhưng H đã trình báo Công an xã A đến thu hồi xe, Q nhờ C chở về nhà. Sau đó, Công an xã A đến nhà Q mời về trụ sở làm việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn H, gồm: 01 xe mô tô, loại Wave, nhãn hiệu Honda, màu xám đen, biển số 66P1 – 0815, số máy: 1355046, số khung: 154160, (xe đã qua sử dụng); Thu giữ của Nguyễn Thị P, gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ đoàn viên tên Nguyễn Văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Thị N.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-ĐGTS ngày 05/5/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 xe mô tô, loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, màu xám đen, biển số kiểm soát 66P1 – 0815,

số máy: 1355046, số khung: 154160, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 7.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS-TN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Thành Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Võ Thành Q, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Võ Thành Q khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 04/5/2022, Bản ảnh hiện trường; Lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Thành Q đã có tiền án vào năm 2021, về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Tiếp tục, vào

khoảng 13 giờ ngày 01/5/2022, bị cáo đi bộ ngang nhà Nguyễn Văn T ở ấp L, xã P nhìn thấy con gà trống đang úp bội dưới sàn nhà và không có người trông giữ, bị cáo đi vào trong sàn nhà bắt gà thì thấy có 02 xe mô tô có gắn sẵn chìa khóa trên xe, bị cáo không bắt gà mà lấy xe mô tô biển số 66P1 – 0815 chạy lên thành phố H chơi. Đến 24 giờ cùng ngày, bị cáo về đến quán Karaoke “H” thì gặp Công an xã A đang tuần tra sợ bị phát hiện nên chạy xe vào đường hẻm đậu xe trước cửa nhà Nguyễn Văn H bỏ đi. Sau đó Công an xã A thu hồi xe mô tô trên mời bị cáo làm việc thừa nhận hành vi trộm xe mô tô trên. Kết luận định giá xe mô tô có giá trị định giá 7.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo không nghề nghiệp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, bản thân bị cáo ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 09 tháng tù, về tội: “Cướp giật tài sản; Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy” và ngày 20/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” mà không biết sửa đổi nên cần xem xét mức án nghiêm khắc khi lượng hình.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có ông Võ Văn T tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng ba” ngày 01/4/2011 nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Ngày 20/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” chưa xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình Sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với xe mô tô biển số 66P1 – 0815 bị mất trộm Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh quyền sở hữu của Nguyễn Văn H, tài sản không bị hư hỏng nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho Hùng nhận lại xong và H không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển số 66P1 – 0815 thu giữ của Nguyễn Văn H trên. Cơ quan điều tra đã chứng minh đứng tên chủ sở hữu Trần Thanh S, sinh năm 1987, ngụ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, S khai vào năm 2009 do Nguyễn Văn T (dượng của S) không có giấy phép lái xe nên nhờ S đứng tên sở hữu xe mô tô trên, còn T là người đưa tiền ra mua xe mô tô trên và trực tiếp sử dụng cho đến khi bị mất trộm; Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ đoàn viên tên Nguyễn Văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Thị N thu giữ của Nguyễn Thị P. Cơ quan điều tra đã chứng minh là của T để trong cốp xe mô tô khi bị bị cáo Q lấy trộm và đã trao trả lại xe mô tô và các giấy tờ có liên quan trên cho T nhận lại xong, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Thành C (bạn bị cáo Q) điều khiển xe mô tô chở bị cáo Q đến nhà Nguyễn Văn H để tìm lại xe trộm. Khi đi, bị cáo Q không nói cho C biết đi tìm lại xe trộm nên không có căn cứ xem xét xử lý hình sự C đồng phạm với bị cáo Q.

[8] Đối với Nguyễn Thị P là mẹ ruột bị cáo Võ Thành Q cho rằng đầu năm 2022, bị cáo Q chấp hành xong hình phạt tù trở về nhà, nhưng thường xuyên không có ở nhà, đến khi Công an đến thu giữ các giấy tờ đã nêu trên, P mới biết bị cáo Q phạm tội trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Thành Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Thành Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 03 tháng 5 năm 2022.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Võ Thành Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông